

**TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ QUỐC TẾ
BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ THAM VẤN CÁC
NHÀ TÀI TRỢ**

NGÀY 4-5 THÁNG 12 NĂM 2008

Bản thảo

**BÁO CÁO NÀY CÙNG CÁC BÁO CÁO VÀ TÀI LIỆU KHÁC CHUẨN BỊ CHO HỘI NGHỊ CG 2008 ĐƯỢC
ĐĂNG TẢI TRÊN TRANG WEB CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN DỮ LIỆU CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH
PHỦ: [HTTP://WWW.NGOCENTRE.ORG.VN/NODE/73](http://www.ngocentre.org.vn/node/73)**

NỘI DUNG

1. GIỚI THIỆU	3
2. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI	4
A. NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN KHÔNG BỀN VỮNG	4
B. GIA TĂNG BẤT BÌNH ĐẲNG	5
C. CÁC VẤN ĐỀ HẬU WTO	6
D. TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI	6
E. KHOẢNG CÁCH VỀ GIỚI	7
F. LẠM PHÁT GIA TĂNG VÀ BÀI TOÁN CHÍNH SÁCH NAN GIẢI	8
G. HIV/AIDS	8
III. HÀI HOÀ HOÁ & HIỆU QUẢ VIỆN TRỢ	13
IV. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC & ĐỔI MỚI THỂ CHẾ	14
A. VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ VÀ BÁO CHÍ	14
B. QUẢN LÝ KHIẾU NẠI VÀ TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI	14
C. PHÂN TÍCH VÀ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH	15
D. ĐÌNH CÔNG	15
E. LAO ĐỘNG DI CƯ	15
V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	16
A. GIÁO DỤC VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	16
B. THÍCH NGHI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	16
C. TIẾP CẬN NHỮNG NGƯỜI DỄ ẢNH HƯỞNG NHẤT	17
D. THÍCH NGHI VỚI NHỮNG THAY ĐỔI DÀI HẠN	17
E. THÍCH NGHI VỚI NHỮNG RỦI RO THIÊN TAI GIA TĂNG	17
F. GIẢM NHẸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM	18
G. TÀI CHÍNH CARBON	18
H. ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM	19

1. Giới thiệu

Tổ chức PCP Quốc tế ở Việt Nam

Hiện đã có hơn 600 tổ chức phi chính phủ quốc tế (PCP Quốc tế) thiết lập quan hệ với Việt Nam, các chương trình của các tổ chức PCP Quốc tế đã phủ khắp 64 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Chính phủ Việt Nam ước tính các tổ chức PCP Quốc tế đã giải ngân khoảng 250 triệu đô la Mỹ trong năm 2008.

Những trọng tâm chính trong các chương trình hỗ trợ của các tổ chức PCP Quốc tế trong lĩnh vực phát triển con người ở Việt Nam bao gồm:

- Xoá đói giảm nghèo;
- Công bằng xã hội, với trọng tâm cụ thể là người nghèo bao gồm dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em;
- HIV/AIDS;
- Môi trường bền vững;
- Chuẩn bị và ứng phó với thiên tai;
- Nâng cao năng lực; và
- Quản trị và tăng cường sự tham gia của người dân và thúc đẩy nền dân chủ, đặc biệt dân chủ ở cấp cơ sở, và tăng cường năng lực cho xã hội dân sự.

Các tổ chức PCP Quốc tế đã hỗ trợ các đối tác chính phủ và phi chính phủ trong tìm kiếm hỗ trợ cho các nỗ lực của Việt Nam trong việc cân bằng hai mục tiêu chính là tiến hành song song công cuộc xoá đói giảm nghèo và đưa đất nước hội nhập đầy đủ hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Các tổ chức PCP Quốc tế đã có cam kết mạnh mẽ trong việc chia sẻ thông tin, hợp tác và điều phối. Điều này được minh chứng qua các hoạt động của Trung tâm dữ liệu các tổ chức phi chính phủ (NGO RC) và các Nhóm làm việc của trung tâm cũng như thông qua các nhóm hợp tác giữa chính phủ - nhà tài trợ - các tổ chức phi chính phủ và nhiều sáng kiến khác.

Công tác chuẩn bị cho bản báo cáo của các tổ chức PCP Quốc tế

Bản báo cáo này là kết quả của một loạt các cuộc tham vấn qua thư điện tử được thực hiện thông qua hệ thống danh sách thư điện tử của Trung Tâm Dữ liệu các PCP, cuộc họp tham vấn tổ chức trong tháng 11 với các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam, và thông qua các mạng lưới quan tâm đến các vấn đề chính sách và phát triển liên quan đến chương trình nghị sự của Hội nghị cuối năm Tham vấn các nhà Tài trợ vào tháng 12 năm 2008.

Trong cuộc họp ngày 28 tháng 11 tổ chức tại Trung Tâm Dữ liệu các PCP, các đại biểu đã tán thành việc đưa những vấn đề sau đây vào trong tuyên bố: tình hình phát triển kinh tế - xã hội (phát triển không bền vững, gia tăng bất bình đẳng, các vấn đề hậu WTO, tiếp cận đất đai, khoảng cách về giới/các vấn đề về trẻ em, lạm phát gia tăng và bài toán chính sách nan giải, và HIV/AIDS), gia tăng bất bình đẳng, các vấn đề hậu WTO, tiếp cận đất đai, khoảng cách về giới/các vấn đề về trẻ em, và HIV/AIDS), hài hoà hoá và hiệu quả viện trợ, quản lý nhà nước và đổi mới thể chế, và biến đổi khí hậu. Sau cuộc họp này, rất nhiều tổ chức PCP Quốc tế và Việt Nam đã chuẩn bị nội dung đầu vào để đóng góp cho bản tuyên bố. Các đóng góp này đã được Trung Tâm Dữ liệu các PCP và ba đại diện PCP Quốc tế tập hợp lại.

Dưới đây là đại diện của các Tổ chức PCP quốc tế đã được đề cử và đại diện của Trung Tâm Dữ liệu các PCP sẽ tham gia trong Hội nghị cuối năm các nhà tài trợ - Hội nghị CG cuối năm 2008.

- Bà Kim N. B. Ninh, Đại diện quốc gia, Quỹ Châu Á;
- Ông Phan Văn Ngọc, Giám đốc quốc gia /ActionAid Việt Nam;
- Ông Stephen Price-Thomas Giám đốc Chương trình Quốc gia/Oxfam Anh, và
- Bà Trine Glue Đoàn, Giám đốc điều hành Trung Tâm Dữ liệu các PCP

1. Bối cảnh Kinh tế - xã hội

Việt Nam đã trở thành một ví dụ điển hình của một mô hình phát triển đã giúp hàng triệu người thoát nghèo trong khi vẫn tiếp tục phấn đấu đảm bảo các lợi ích mà nền kinh tế thị trường mang lại được phân phát một cách khá công bằng trong xã hội nhằm duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiệu quả kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ với tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,6% một năm trong suốt nửa thập kỷ qua.

Đã có nhiều dự đoán khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tạo một bầu không khí lạc quan cho chính phủ, người dân và cho khu vực thị trường. Những dự đoán kinh tế đã công bố về tác động của việc trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới là rất tích cực và đất nước đang tăng tốc để đạt được các Mục tiêu Thiên niên kỷ đến năm 2015 đúng thời hạn. Những thành tựu này không còn nghi ngờ gì đã tăng cơ hội lựa chọn của người dân và tăng cường sự tham gia của họ trong tiến trình phát triển.

Tiến bộ kinh tế và xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hội nhập kinh tế gần đây đã cơ bản đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên vẫn còn tồn tại rất nhiều các thách thức quan trọng.

a. Phát triển kinh tế không bền vững

Kể từ nay con đường có thể trở nên khó khăn hơn khi những nỗ lực giảm nghèo hơn nữa đòi hỏi phải làm mới lại những nỗ lực nhằm đảm bảo tăng trưởng phục vụ cho xoá đói giảm nghèo khi vẫn còn tồn tại những bộ phận nhân dân sát với ngưỡng nghèo, trong khi đó những người gần đây đã thoát nghèo thì vẫn chưa vươn được xa hơn so với ngưỡng nghèo. Những cú sốc kinh tế từ những yếu tố ngoại cảnh như thiên tai, hoặc sự phụ thuộc kinh tế có thể đẩy hàng triệu người trong các hộ gia đình có thu nhập thấp đến nguy cơ tái nghèo.

Một trong những công cụ phát triển để giải quyết vấn đề này - tài chính vi mô – mặc dù đã tỏ ra khá thành công trong giảm nghèo nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Dịch vụ tài chính vi mô ở Việt Nam còn manh mún và sự điều phối giữa các bên liên quan còn hạn chế (bao gồm, NHNN&PTNT, NHCS, Ngân hàng Nhà nước, Quỹ tín dụng Nhân dân, các tổ chức Tài chính vi mô và các tổ chức quần chúng). Cần phải đạt được sự đồng thuận về cách thức làm thế nào để vận động, giáo dục và thông báo một cách minh bạch tới các nhà làm chính sách về những thành tựu và khó khăn trong lĩnh vực này. Điều quan trọng trong quá trình này là vai trò mà các cơ quan tài trợ quốc tế và trong nước có thể thực hiện (như ADB, WB, AFD, IFAD, v.v.), ví dụ như áp dụng “Thông lệ tài chính vi mô tốt” trong một thị trường đồng đúc và mạnh mẽ.

THÔNG điệp CHÍNH: Cần phải có được sự đồng thuận giữa các nhà tài trợ về việc làm thế nào để có thể thực hiện hiệu quả nhất vận động, giáo dục và thông tin cho các nhà làm chính sách một cách minh bạch về những thành tựu và thách thức của ngành tài chính vi mô.

Thiếu sự điều phối, thống nhất và có mặt trong những Thông lệ tốt đã cản trở sự phát triển bền vững của ngành tài chính vi mô. Các nhà tài trợ cần phải thúc đẩy sự phát triển của một nền tài chính hùng mạnh, bền vững và theo định hướng thị trường (điểm cốt yếu là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, mở rộng cơ hội tiếp cận đến những đối tượng ở ‘đáy kim tự tháp’ và ổn định tài chính) hơn là bóp méo thị trường và để nguồn vốn tư nhân chảy ra ngoài thông qua việc tạo các kênh cho các nguồn đầu tư chi phí thấp đi qua ngân hàng và thực hiện vay chính sách nhằm đạt được các mục tiêu xã hội (cho vay tín dụng vi mô được coi như một công cụ cho vay chính sách cần phải được trợ cấp).

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: các nhà tài trợ cần phải thúc đẩy sự phát triển của một nền tài chính vững mạnh, bền vững và định hướng thị trường, hơn là bóp méo thị trường và để nguồn vốn tư nhân chảy ra ngoài thông qua việc tạo điều kiện cho các nguồn đầu tư chi phí thấp đi qua ngân hàng và thực hiện vay chính sách nhằm đạt được các mục tiêu xã hội.

Tính bền vững của lợi nhuận trong nông nghiệp cũng cần phải được chú ý hơn, đặc biệt với thực trạng gần đây có sự chuyển đổi trong tập quán canh tác, mà lý do một phần là sự phản ứng của người dân đối với áp lực lạm phát. Sự chuyển đổi này bao gồm thay đổi hình thức canh tác theo mùa vụ sang các mô hình canh tác một vụ, điều này sẽ dẫn đến tỷ lệ rủi ro sản xuất cao và tăng tốc độ xói mòn và nghèo hoá đất nhanh chóng. Những tập quán này nếu tiếp tục duy trì sẽ dẫn đến việc gia tăng tính dễ bị tổn thương và là nguy cơ suy giảm nghiêm trọng trong thu nhập và tài sản của hộ gia đình. Do đó, chúng tôi khuyến nghị rằng chính sách về nông nghiệp phải được kiểm nghiệm thông qua các đánh giá về môi trường bền vững, và không phải chỉ tuân theo các quyền lực của thị trường.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Các chính sách nông nghiệp cần phải được kiểm nghiệm thông qua các đánh giá bền vững về môi trường và không phải chỉ tuân theo các quyền lực của thị trường.

b. Gia tăng bất bình đẳng

Ngày càng có nhiều lo ngại về khả năng gia tăng bất bình đẳng về phúc lợi xã hội trong nhiều bộ phận của dân số. Những khoảng cách đang rộng thêm và sự bất bình đẳng cho thấy quyền của người nghèo và những người bị loại trừ vẫn tiếp tục bị thoả hiệp với quá trình phát triển như khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, nông thôn và thành thị, và dân tộc đa số và thiểu số đang tăng lên.

Những tiến bộ vẫn mang tính chất tạm thời khi nhìn vào con số đông những người đang sống từ những nguồn thu nhập chỉ trên ngưỡng nghèo một chút. Phát triển không đồng đều sẽ có xu hướng biến những nhóm người yếu thế như những người di cư, người không có đất, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sống chung với HIV vv.v trở thành những người nghèo nhất. Sự đô thị hoá nhanh chóng cũng buộc nhiều nông dân phải lâm vào tình trạng dễ tổn thương. Tình trạng này sẽ tiếp tục gia tăng khi các ngành công nghiệp tiếp tục lấn sang nông nghiệp vốn tồn tại như một động cơ chính của nền kinh tế.

Xóa nghèo và nỗ lực thu hẹp khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ở nông thôn, đặc biệt trong vùng dân tộc thiểu số sẽ hiệu quả nhất khi tập chung vào năng lực con người và các nguồn lực, đặc biệt của những người nghèo nhất, thông qua đào tạo, dạy nghề và phát triển vốn xã hội cho các thể chế tại cộng đồng. Điều này cho phép người nghèo tiếp cận tốt hơn sự hỗ trợ của Nhà nước và các nhà tài trợ khác, và giúp họ tận dụng tốt hơn cơ hội thị trường và có khả năng đương đầu với những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thoát nghèo.

Người nghèo, đặc biệt những người dân tộc thiểu số, sẽ tiếp tục gặp phải nhiều rào cản lớn khi tiếp cận các cơ chế hỗ trợ chính của Nhà nước, như tín dụng và khuyến nông. Các cơ chế này cùng với các cơ chế hỗ trợ khác phải được thực hiện theo cách thức phù hợp với những người mù chữ, hoặc không nói tiếng Kinh, nhất là phụ người dân tộc thiểu số. Hiện đã có những mô hình tốt giúp thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ và cần phải được sử dụng để thông báo những chính sách phát triển trong tương lai cũng như thực hiện và hướng dẫn thực hiện chính sách.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Để thu hẹp sự bất bình đẳng trong xã hội, những cơ chế hỗ trợ của Nhà nước cũng như các cơ chế hỗ trợ khác cần phải được thực hiện theo cách phù hợp với cả

những đối tượng - đặc biệt là phụ nữ - mù chữ hay những người không nói tiếng Kinh.

c. Các vấn đề hậu WTO

Những dự báo kinh tế cho rằng với việc mở cửa thương mại nói chung và gia nhập WTO nói riêng, nền kinh tế Việt Nam sẽ có được những tác động tích cực về mặt mở rộng hơn cơ hội tiếp cận với các thị trường thế giới, nhiều đầu tư nước ngoài hơn và tiếp cận những công cụ để “bảo vệ khỏi sự bảo vệ” và có thêm động lực để thực hiện mạnh mẽ hơn những cải cách trong nước theo hướng hoàn thiện hơn nền kinh tế thị trường.

Vẫn còn nhiều thách thức cho Việt Nam khi gia nhập WTO. Trước hết, hàng rào thuế quan và hàng rào phi thuế quan đang dần dần được cắt giảm và dự kiến sẽ có nhiều thay đổi theo cam kết WTO. Nếu những tác động tiêu cực tiềm tàng của việc cải cách không được giải quyết một cách rút ngắn, thì những người nghèo và những người bị loại trừ ở Việt Nam có thể sẽ không được hưởng lợi gì từ những thay đổi này. Hơn nữa, Việt Nam không có đủ nguồn lực để thành công trong các cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại theo quy định của WTO. Vụ kiện cá da trơn và vụ da giầy gần đây đã có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của nhiều người dân nghèo.

Thứ hai, hội nhập quốc tế sâu có nghĩa là vừa có lợi nhuận cao hơn và đồng nghĩa với rủi ro cũng cao hơn đối với các doanh nghiệp. Khi thiếu những chính sách bảo trợ xã hội mang tính toàn diện, thì những rủi ro trên có thể sẽ trở nên khốc liệt đối với người nghèo và những người cận nghèo. Những người nghèo và nhóm những người bị loại trừ về xã hội, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em sẽ có nguy cơ bị mất mát khi những cơ hội tạo thu nhập truyền thống biến mất do nền kinh tế đất nước hội nhập. Với tốc độ hiện nay, hội nhập kinh tế sẽ tăng tốc chương trình giảm nghèo và nếu không được quản lý tốt, quá trình này có thể làm gia tăng nghèo đói và bất công trong những nhóm người yếu thế tại Việt Nam.

THÔNG điệp CHÍNH: Cần có các chính sách bảo trợ xã hội mang tính toàn diện nhằm bảo vệ người nghèo và những người bị loại trừ về xã hội trong môi trường hậu WTO khi các nguồn thu nhập truyền thống của những đối tượng này bị biến mất do tiến trình hội nhập của quốc gia.

Ba là, cần lưu ý rằng trong một nền kinh tế mở, việc thất bại trong duy trì hoặc thực hiện triệt để các tiêu chuẩn về môi trường sẽ dẫn đến việc các thể lực của thị trường tạo ra những mối đe dọa môi trường nghiêm trọng.

THÔNG điệp CHÍNH: Các tiêu chuẩn về môi trường cần được duy trì và thực hiện triệt để nhằm ngăn chặn các tổn thất về môi trường do các thể lực thị trường gây ra.

d. Tiếp cận đất đai

Đất đai là một tư liệu sản xuất thiết yếu đối với người nghèo và người bị loại trừ. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất canh tác nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại diễn ra gần đây dường như là nguyên nhân chính ảnh hưởng tới những hộ nghèo ở nông thôn và những vùng bán đô thị. Đồng thời những mối lo ngại về an ninh lương thực cũng được đưa ra khi thực hiện chuyển đổi đất ruộng và đất rừng trên diện rộng.

Vẫn có một vài trở ngại đối với các hộ nghèo trong việc tiếp cận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức. Nhiều người sử dụng đất không nhận thức được tầm quan trọng của việc có trong tay giấy tờ chính thức và việc đăng ký hoạt động chuyển giao quyền sử dụng đất. Điều này đặc biệt phổ biến trong những trường hợp thừa kế hoặc chuyển giao giữa những thành viên trong gia đình. Những người có liên quan đều cho rằng việc đăng ký chính thức thường được cho là không cần

thiết, mặc dù đã có nhiều vụ tranh chấp trong gia đình xảy ra do không thực hiện việc đăng ký này. Hiện tại, chính quyền địa phương cũng chưa hiểu và nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của việc đăng ký cả tên của chồng và vợ trên các giấy tờ về đất đai. Một cuộc điều tra gần đây¹ do ActionAid và CIPFEN thực hiện cho thấy chưa đến 20% số hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa có đăng ký cả tên của người vợ và người chồng trên giấy chứng thực sở hữu đất của họ. Việc thiếu tên của phụ nữ trên giấy tờ sử dụng đất đã khiến cho phụ nữ phải chịu nhiều thiệt thòi và bất lợi trong nhiều trường hợp. Cuối cùng, việc tồn tại một khoản chi phí ngăn cấm quá trình này đã tạo ra chính sách mà hầu hết người dân không chi trả được.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Cần tổ chức tập huấn và tuyên truyền các thông tin cho chính quyền địa phương và người nghèo nhằm củng cố sâu hơn nữa hiểu biết của họ về việc cần thiết phải đăng ký quyền sử dụng và chuyển nhượng đất đai cũng như sự cần thiết phải có cả tên người vợ và người chồng trong các giấy tờ về đất đai.

Bên cạnh đó, còn có nhiều vấn đề tiếp tục diễn ra ở một số khu vực nhất định, đặc biệt ở Miền Trung nơi đạn, mìn và các loại vũ khí chiến tranh vẫn còn sót lại trong lòng đất. Thực tế này cũng hạn chế khả năng tiếp cận của người dân đến diện tích đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp và cho các hoạt động sản xuất khác, đồng thời đe dọa đến sự an toàn mạng sống của những người dân nghèo trong các vùng bị ảnh hưởng. Nhằm tham gia vào công cuộc kêu gọi toàn cầu về việc ngăn cấm sản xuất, buôn bán và vận chuyển bom mìn, cũng như tuân thủ thực hiện việc xóa bỏ bom mìn hỗ trợ các nạn nhân, Cộng đồng các tổ chức PCP quốc tế kêu gọi Việt Nam ký kết Hiệp định mới về bom mìn.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Các tổ chức PCP quốc tế kêu gọi Việt Nam ký hiệp định mới về bom mìn (CCM).

e. Khoảng cách về giới

Mặc dù bình đẳng giới đã đạt được nhiều những thành tựu ở Việt Nam so với các nước khác, nhưng vẫn tồn tại nhiều khoảng cách rõ rệt. Phụ nữ tiếp tục có vị trí thấp hơn trong các cơ quan công quyền, đặc biệt là ở cấp hành chính địa phương. Phụ nữ cũng gặp phải những rào cản khi tham gia trong đời sống công quyền. Trong khi sự tham gia của phụ nữ trong các cơ quan lập pháp là tương đối cao (khoảng 27.3% trong Quốc Hội Việt Nam), thì tại những cơ quan thực hiện và có vai trò quyết định như Ủy ban Nhân dân chỉ có khoảng 5-7.5% phụ nữ ở cấp tỉnh, huyện và xã. Thêm vào đó, phụ nữ vẫn bị phủ nhận quyền bình đẳng đối với tư liệu sản xuất mặc dù đã có những cải thiện đáng kể về luật pháp.

Phụ nữ và trẻ em chiếm phần lớn trong những nhóm người yếu thế như, công nhân nhập cư, những đối tượng là nạn nhân của buôn bán người, những người hành nghề mại dâm, những người sống chung với HIV và - ở khía cạnh nào đó - những người không có đất đai. Những nhóm dân cư này có xu hướng nhận được những điều kiện không mấy thuận lợi do sự thay đổi của các yếu tố kinh tế - xã hội, như: sự phát triển không đầy đủ của cơ sở hạ tầng đô thị, cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội hạn chế đối với người nhập cư và sự thiếu hụt về mạng lưới an ninh và xã hội mạnh mẽ vv. Những yếu tố này có thể đẩy họ vào cái bẫy xấu xa của nghèo đói.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Các tổ chức PCP Quốc tế kêu gọi Chính phủ Việt Nam xây dựng những dịch vụ và mạng lưới an sinh xã hội vững chắc nhằm bảo vệ phụ nữ và cả trẻ em khỏi các ảnh hưởng bất lợi của các yếu tố kinh tế - xã hội đang thay đổi tại Việt Nam.

¹ Cuộc điều tra do Action Aid Việt Nam và một mạng lưới các tổ chức phi chính phủ địa phương về an ninh lương thực và xóa nghèo (CIPFEN) tiến hành

f. Lạm phát gia tăng và bài toán chính sách nan giải

Gần đây, tình trạng giá cả đời sống đang tăng cao và lạm phát lan tràn là những nhân tố chính đẩy mức giá chung lên cao ảnh hưởng nhiều nhất đến những nhóm người có thu nhập thấp hơn. Trong khi Chính phủ Việt Nam đã công khai một loạt các biện pháp được thiết kế để làm giảm sức ép về lạm phát, thì việc thực thi những biện pháp này cũng có thể tiếp tục tạo ra chính sách tiền thoái lương nan. Điều này cũng có thể làm chậm lại sự phát triển kinh tế và giảm nghèo.

Lạm phát tăng cao đã gây ra những tác động và không thể đảo chiều được. Do đó, Chính phủ Việt Nam cần nhanh chóng xem xét lại tất cả các công cụ bảo trợ xã hội trong hoàn cảnh giá cả đời sống đã tăng cao. Điều này nên bắt đầu với sự hiệu chuẩn lại ngưỡng nghèo và có một chính sách rõ ràng để điều chỉnh những sự khác biệt trong nội bộ quốc gia.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Chính phủ Việt Nam cần nhanh chóng xem xét lại các công cụ bảo trợ xã hội trong bối cảnh giá dinh hoạt tăng cao, bao gồm việc hiệu chỉnh lại ngưỡng nghèo và có một chính sách rõ ràng để điều chỉnh những khác biệt trong nội bộ quốc gia.

Cần nhận thức rằng việc xem xét lại và tăng mức chuẩn nghèo sẽ khiến hàng triệu người Việt Nam quay trở lại dưới mức chuẩn nghèo. Các công cụ bảo trợ xã hội phải được thiết kế nhằm cung cấp những quyền cơ bản cho những đối tượng này. Cần có những hỗ trợ phù hợp và có chủ đích cho những đối tượng này để đảm bảo những người chưa được hưởng lợi từ những hỗ trợ trước sẽ không bị bỏ qua ở lần sau. Cụ thể, các điều kiện cơ sở hạ tầng đảm bảo chủ yếu như đường xá, hệ thống thủy lợi và khuyến nông phải được đưa đến những nơi nghèo nhất và khó khăn nhất.

Việc chuẩn hoá đường chuẩn nghèo có thể còn tạo ra những tác dụng ngược và cần được nghiên cứu trong quá trình đánh giá và thiết kế lại tiêu chuẩn liên quan đến các chương trình hỗ trợ. Ví dụ rõ nhất là trong lĩnh vực y tế và giáo dục là những dịch vụ mà số lượng người nghèo tiếp cận loại hình dịch vụ này ngày càng đông. Tuy nhiên, những người cận nghèo, là những đối tượng không có sự khác biệt nhiều lắm với nhóm nghèo lại gặp khó khăn khi tiếp cận dịch vụ. Những chính sách dẫn đến việc người dân tiếp tục tự liệt mình ở dạng hộ nghèo để tận dụng sự hỗ trợ như vậy cần phải được thiết kế lại.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Các chính sách dẫn đến việc người dân tiếp tục tự liệt mình vào đối tượng nghèo để được nhận hỗ trợ cần phải được thiết kế lại

Cuối cùng, lạm phát rõ ràng đã ảnh hưởng đến việc lựa chọn cái ăn hàng ngày của nhiều người.. Nếu tình trạng này tiếp tục thì dễ dẫn đến tăng tỷ lệ suy dinh dưỡng. Do đó, các chương trình an ninh lương thực hiện tại và chương trình dinh dưỡng phải được tăng cường. Ngoài ra, cũng cần phải cân nhắc đến các chương trình mới cho các xã/thôn nghèo như chương trình bữa ăn tại trường học cũng cần được cân nhắc.

g. HIV/AIDS

Cộng đồng các tổ chức PCP nhận thấy có nhiều bước đi quan trọng đang được Chính phủ Việt Nam thực hiện để giảm tỷ lệ lây nhiễm HIV, cũng như giảm thiểu tác động của HIV đối với người sống chung với HIV, gia đình của họ và xã hội. Tuy nhiên, cần có sự cam kết tiếp tục và hành động cụ thể nếu Việt Nam muốn vượt qua những thách thức to lớn vẫn còn tồn tại trước mắt để thực hiện hiệu quả hơn chương trình quốc gia.

Ba mươi một tổ chức PCP Quốc tế đang tham gia các lĩnh vực chủ yếu của chiến lược quốc gia về HIV, cũng như đã vạch ra những điểm cơ bản trong chương trình hành động thứ chín. Nhằm hỗ trợ cho chiến lược và ưu tiên của Chính phủ, các tổ chức PCP Quốc tế đã cam kết hỗ trợ quá trình liên

tục về phòng, chăm sóc và điều trị. Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ trọng tâm hiện nay về hài hoà hoá viện trợ và các chương trình, đồng thời đang tham gia tích cực trong những nỗ lực nhằm tăng cường điều phối cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp dưới tỉnh – nơi các chương trình đến được với người dân và cũng là nơi các phản ứng mang tính đơn lẻ đã có những tác động tổn kém nhất đối với con người.

Cộng đồng NGO nguyện nỗ lực phối hợp chặt chẽ với nhiều bên liên quan, bao gồm Chính phủ, các tổ chức quần chúng, xã hội dân sự, cộng đồng và khu vực tư nhân. Chúng tôi cũng cam kết đảm bảo sự tham gia tích cực trong các nhóm bị ảnh hưởng hoặc có nguy cơ.

Thách thức

Vẫn còn tồn tại rất nhiều những thách thức trong cuộc chiến chống lại HIV ở Việt Nam. Điều quan trọng là những thách thức đó vẫn tiếp tục được đưa vào trong các chương trình nghị sự của Chính phủ, các nhà tài trợ, các tổ chức PCP và tất cả các đối tác khác.

Đại dịch HIV vẫn đang tập trung ở một số nhóm dân số chính, bao gồm đối tượng tiêm chích ma túy, người hành nghề mại dâm và những khách hàng sử dụng dịch vụ của họ, tình dục nam giới với nam giới. Những nhóm người này đang tham gia vào việc trao đổi bơm kim tiêm và xylanh nhiễm khuẩn, quan hệ tình dục không an toàn, và tình dục đồng giới không an toàn giữa nam giới. Đây là những hành vi có mối quan hệ liên đới tới những nguyên nhân lây nhiễm. Ví dụ như, những người tiêm chích ma túy mua hoặc bán dâm, tình dục đồng giới nam giới với nam giới, những đối tượng hành nghề mại dâm có sử dụng hoặc tiêm chích ma túy và tình dục đồng giới, khác giới có sử dụng tiêm trích.

Sự kỳ thị và phân biệt đối xử tiếp tục làm giảm hiệu quả của các chương trình quốc gia nhằm ngăn chặn đại dịch và cản trở người dân trong sử dụng các biện pháp phòng chống HIV, các dịch vụ chăm sóc và điều trị cũng như tiếp cận với công ăn việc làm và dịch vụ xã hội. Những nhóm người trên có thể gặp phải sự kỳ thị gấp hai hoặc ba lần do sự tham gia của họ vào các nhóm hành vi bị xã hội lên án, như mại dâm, trích ma túy và tình dục đồng giới.

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực đáng ca ngợi nhằm mở rộng dịch vụ chăm sóc và điều trị cho người lớn và trẻ em sống với HIV, nhưng tỷ lệ bao phủ của dịch vụ hiện nay vẫn còn khiêm tốn. Dự tính chỉ có dưới 50% người cần thuốc ART được tiếp cận với thuốc (WHO 2008). Bên cạnh đó, dịch vụ chăm sóc giảm nhẹ bao gồm liệu pháp giảm đau vẫn còn hạn chế.

Cần thiết phải tiếp tục khuyến khích tư vấn và xét nghiệm miễn phí HIV cùng lúc với việc cung cấp rộng rãi các bộ xét nghiệm nhanh nhằm giúp người sống với HIV có thể được tiếp cận ngay với dịch vụ chăm sóc và điều trị cũng như các dịch vụ liên quan khác. Ngoài ra, cũng cần phải xem xét việc tiến hành xét nghiệm lựa chọn cho những nhóm đối tượng quan trọng như: phụ nữ có thai, trẻ em có cha mẹ bị lây nhiễm, các bệnh nhân STI và TB. Chúng tôi khuyến nghị rằng Chính phủ cần thiết lập và duy trì những hệ thống cung cấp thường xuyên và bền vững để những người cần điều trị ART có thể tiếp cận được với các nguồn thuốc này khi cần thiết. Các dịch vụ chăm sóc giảm nhẹ bao gồm các liệu pháp điều trị giảm đau vẫn còn rất hạn chế mặc dù gần đây đã ban hành các chính sách và luật pháp quốc gia về chăm sóc giảm nhẹ và sử dụng morphine theo đường uống để giảm đau. Chúng tôi kêu gọi Chính phủ đảm bảo việc thực hiện các chính sách trên.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Các dịch vụ chăm sóc và điều trị, bao gồm chăm sóc giảm nhẹ cần được mở rộng cho đối tượng người lớn và trẻ em là những người sống với HIV. Việc tiếp cận tới các dịch vụ xét nghiệm, chăm sóc và điều trị chất lượng cao cần phải được mở rộng ngay cả ở nông thôn và thành thị, trong đó cần đặt ưu tiên cho đối tượng phụ nữ và trẻ em sống

chung với/hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV.

Mặc dù đến nay đã có nhiều tiến bộ trong việc thu hút sự tham gia về chính trị và hỗ trợ ở Việt Nam, tuy nhiên vẫn còn thiếu sự đồng thuận, cam kết và hỗ trợ của nhiều cấp, ngành khác nhau. Tiếp tục chủ trương chính trị và cam kết là rất quan trọng để có thể đưa ra một chương trình nghị sự đúng đắn và tạo được những giải pháp tiềm năng và hiệu quả.

Xác định rằng những người sử dụng và tiêm chích ma túy, gái mại dâm và khách hàng của họ, tình dục đồng tính nam với nam là những lực lượng chính gây ra đại dịch đòi hỏi chúng ta phải có những hành động can thiệp thông qua cung cấp bằng chứng, ví dụ điều trị duy trì bằng methadone, chương trình trao đổi kim tiêm và xylanh sạch, phát bao cao su. Nếu không có sự hài hoà trong các bộ luật liên quan thì việc thực hiện các biện pháp can thiệp trên sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Để vượt qua những thách thức này, chúng tôi khuyến nghị rằng Chính phủ cần đi đầu trong việc hài hoà hóa các bộ luật nhằm hỗ trợ tốt hơn cho việc thực hiện chương trình hành động giảm hại quốc gia.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Cần phải sớm có sự hài hoà giữa luật về phòng chống HIV và các bộ luật liên quan khác như luật về Kiểm soát và phòng chống Ma túy, và Thông tư về phòng chống mại dâm nhằm tạo môi trường hỗ trợ cho việc thực hiện chương trình quốc gia về giảm hại.

Tỷ lệ tái nghiện cao trong số những người được trả về từ các trại 06 cho thấy cần đặt trọng tâm vào các dịch vụ cộng đồng hiệu quả, bao gồm điều trị duy trì bằng methadone, tư vấn cai nghiện, đào tạo hướng nghiệp và tìm việc làm cho những người đã phục hồi sau nghiện ma túy. Các tổ chức PCP Quốc tế hoan nghênh và hỗ trợ thực hiện các dự án thí điểm điều trị duy trì bằng methadone và tăng cường lồng ghép các chương trình này với chương trình điều trị ART.

Vẫn còn tồn tại sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những người sống với/hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV, cũng như trong số những người tham gia vào các hoạt động bị xã hội lên án và tự đưa họ vào nguy hiểm. Chống kỳ thị và phân biệt đối xử vì thế phải là một trọng tâm trong tất cả các văn bản chính sách và qua các hoạt động liên tục từ phòng ngừa đến chăm sóc. Điều quan trọng là Chính phủ Việt Nam cần có sự ủng hộ cho vấn đề này và đưa ra một định hướng lãnh đạo rõ ràng nhằm khuyến khích môi trường cộng đồng không có kỳ thị và phân biệt đối xử. Điều này cũng sẽ giúp cải thiện tiếp cận đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Một điểm khác cần quan tâm đó là đảm bảo trẻ em sống chung với/bị ảnh hưởng bởi HIV có cơ hội được đi học và được hưởng một nền giáo dục không có sự phân biệt và kỳ thị.

Thực vậy, sự lãnh đạo của Chính phủ là cần thiết để xóa bỏ những nhầm lẫn giữa HIV và các tệ nạn xã hội và nhằm giảm các kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV vốn là điều ngăn cản mọi người được tiếp cận tới những dịch vụ chăm sóc và điều trị.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: cuộc chiến chống lại kỳ thị và phân biệt đối xử cần phải được coi là tiêu điểm ở tất cả các cấp chính sách có liên quan và xuyên suốt quá trình liên tục về phòng chống – chăm sóc. Sự ủng hộ của lãnh đạo chính phủ trong các vấn đề này là vô cùng quan trọng.

Do đặc điểm tập chung của đại dịch, các nguồn lực cần tập trung vào ngăn ngừa cho các nhóm có nguy cơ cao, bao gồm người trích hút ma túy, các đối tượng bán dâm và khách hàng của họ, và tình dục đồng giới nam. Thực hiện chương trình này trên phạm vi rộng cho các nhóm đối tượng trên có thể tạo ra những tác động tốt với chi phí khá thấp. Nguy cơ mà những người di cư và các

nhóm dân cư di động cũng cần phải được đề cập đến.

Chính phủ cần đóng vai trò quan trọng trong việc phân bổ nguồn lực, xây dựng chương trình, hỗ trợ điều phối thực hiện các chương trình lồng ghép và toàn diện để cung cấp nhiều loại hình dịch vụ trọn gói giúp giảm lây nhiễm HIV trong các đối tượng tiêm chích ma túy, mại dâm và khách hàng của họ và nhóm tình dục đồng tính nam và các dịch vụ chuyên tuyến (cho tư vấn và xét nghiệm HIV, các lây nhiễm qua đường tình dục và điều trị ART).

Các tổ chức PCP Quốc tế ủng hộ mạnh mẽ các biện pháp can thiệp có tác dụng và giúp giảm thiểu tối đa số lượng lây nhiễm HIV mới. Các biện pháp can thiệp cần phải thiết kế và có mục tiêu cụ thể nhằm hướng tới các nhóm chủ yếu: nhóm tiêm chích ma túy, mại dâm và khách hàng của họ và nhóm đồng tính nam và giúp bảo vệ những người vợ có chồng đã quan hệ với gái mại dâm, tiêm chích ma túy hoặc có quan hệ đồng tính với một người nam nhằm giảm thiểu sự lan tràn của đại dịch. Ngoài ra, khi thực tế những người trẻ tuổi chiếm đa số trong các ca nhiễm mới, chúng ta cần phải chú ý đến việc phòng chống từ đầu cho nhóm thanh niên trẻ có nguy cơ do sử dụng ma túy hoặc quan hệ với mại dâm.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Thực hiện chương trình phòng chống có tính liên tục, thiết kế phù hợp và có mục tiêu và tập trung vào những nhóm đối tượng có nguy cơ cao, bao gồm người trích hút ma túy, người bán dâm và khách hàng của họ, và tình dục đồng giới nam, thực hiện chương trình này trên phạm vi rộng là mấu chốt để kiểm soát đại dịch.

Cần có dịch vụ chăm sóc toàn diện cho trẻ em sống chung hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV. Kế hoạch hành động quốc gia (NPA) cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đã đưa ra một kế hoạch ngân sách chi tiết cho việc làm thế nào để cải thiện và mở rộng sự tiếp cận của trẻ em đến các dịch vụ thiết yếu. Chúng tôi kêu gọi Chính phủ Việt Nam phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia và tiếp tục có sự tham gia liên bộ trong việc thực hiện kế hoạch này. Chúng tôi đề xuất cả chính phủ và các nhà tài trợ dành riêng một khoản ngân sách khẩn cấp để hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch hành động quốc gia ngay khi nó được phê duyệt.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Các tổ chức PCP quốc tế kêu gọi Chính phủ Việt Nam phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và tiếp tục có sự tham gia liên bộ trong việc thực hiện kế hoạch này. Chính phủ và các nhà tài trợ nên dành riêng một khoản ngân sách khẩn cấp để hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch hành động quốc gia ngay khi nó được phê duyệt.

Chăm sóc tại nhà và hỗ trợ được coi là một thực hành tốt ở Việt Nam và hứa hẹn mở rộng hơn nữa. Một lực lượng nhân lực có tâm huyết được đào tạo là rất cần thiết để phục vụ trẻ em và gia đình ảnh hưởng bởi HIV. Bên cạnh đó, cộng đồng PCP cung cấp nguồn hỗ trợ để mở rộng các hoạt động can thiệp nhằm tránh lây từ mẹ sang con.

Nhu cầu của phụ nữ tổn thương hoặc phải sống chung với HIV cần được hỗ trợ. Mặc dù đại dịch này chỉ phổ biến ở nam, nhưng hiện nay khoảng cách giữa hai giới bắt đầu thu hẹp dần, ban đầu là do cấu tạo giới khiến phụ nữ dễ dàng bị lây nhiễm hơn. Phụ nữ sống với HIV có nhiều khó khăn và yếu thế vì họ dễ bị phân biệt và kỳ thị hơn nam giới trong gia đình và cộng đồng, cũng như trong tiếp cận dịch vụ y tế và dịch vụ xã hội. Phụ nữ thường cũng hay thực hiện nhiệm vụ chăm sóc thành viên trong gia đình lúc ốm đau.

Ngày nay sự tham gia của cộng đồng và xã hội dân sự đã được ghi nhận là đặc biệt cần thiết và là một phần trong công cuộc chống HIV. Sự tham gia của cộng đồng và xã hội dân sự có thể giải

quyết hiệu quả các vấn đề nhạy cảm và gây nhiều tranh cãi, giúp vượt qua các rào cản của kỳ thị và phân biệt đối xử, và giúp xây dựng tính ‘sở hữu’ của chương trình. Cộng đồng và xã hội dân sự tham gia có thể giúp đảm bảo ở tất cả các bước thực hiện thiết kế giám sát và đánh giá chính sách. Cộng đồng NGO khuyến nghị rằng cần có một khung chương trình hành động rõ ràng cho sự tham gia của cộng đồng và xã hội dân sự trong công cuộc phòng chống HIV, chính phủ cần hỗ trợ tích cực và có ý nghĩa sự tham gia của xã hội dân sự bao gồm bản thân những người đang sống với HIV trong tất cả các khía cạnh của chương trình từ thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá và là chương trình mở để khuyến khích các biện pháp can thiệp sáng tạo từ xã hội dân sự và sẵn sàng mở rộng can thiệp được kiểm chứng là có hiệu quả.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Tạo ra một cơ chế hoạt động rõ ràng cho cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự có thể tham gia vào cuộc chiến chống HIV cùng với chính phủ, việc này đòi hỏi sự cải thiện về chính sách, thiết kế chương trình, thực hiện, giám sát và đánh giá tốt hơn nữa những hoạt động ứng phó với căn bệnh HIV.

2. Hải hoà hoá & Hiệu quả Viện trợ

Đã có nhiều thử nghiệm được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả viện trợ bằng cách tạo điều kiện để cộng đồng tự điều hành và quản lý viện trợ. Tính sở hữu ngày càng cao này đảm bảo rằng viện trợ được sử dụng hiệu quả hơn và trong một số trường hợp tiết kiệm hơn. Vì thế chúng tôi khuyến nghị rằng các chính sách và chương trình cần cân nhắc việc đưa vào những mô hình hỗ trợ linh động hơn như thông qua hợp tác, câu lạc bộ hoặc các nhóm lợi ích để giúp thực hiện các dịch vụ mà không thể thực hiện được bởi mỗi cá nhân. Họ có thể thực hiện việc này thông qua sự tham gia đóng góp chính sách, chương trình dự án. “Quỹ phát triển cộng đồng” có thể là một mô hình giúp trao quyền cho cộng đồng trong việc đưa ra Quyết định và thực hiện những sáng kiến của riêng họ nhằm xoá đói giảm nghèo ở những cộng đồng yếu thế nhất. Bên cạnh đó mối liên hệ với khu vực tư nhân và nông dân cũng nên được tăng cường nhằm phát triển dây chuyền thị trường đem lại lợi ích cho người nghèo.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: để tăng cường hiệu quả viện trợ, các chính sách và chương trình cần phải được cân nhắc để đưa ra những mô hình hỗ trợ linh động hơn như thông qua hợp tác, câu lạc bộ hoặc các nhóm lợi ích để giúp thực hiện các dịch vụ mà không thể thực hiện được bởi mỗi cá nhân, bao gồm việc thúc đẩy sự tham gia của xã hội dân sự trong các chính sách, chương trình dự án.

3. Quản trị & Đổi mới Thể chế

Cách hiệu đầu tiên của từ đổi mới ở Việt Nam là việc tạo ra một môi trường thuận lợi hơn thu hút nhà đầu tư nước ngoài nhằm đạt tăng trưởng kinh tế nhanh. Với việc thúc đẩy để gia nhập WTO và việc hưởng Quy chế Thương mại Bình thường hoá Vĩnh viễn với Hoa Kỳ, lãnh đạo của Việt Nam đã khẳng định cam kết của mình theo định hướng phát triển nền kinh tế thị trường hướng tới mục tiêu còn khá chung chung là trở thành một nước có thu nhập trung bình vào năm 2010. Cùng với cơ chế thị trường mở và ít kiểm soát hơn, thách thức của chính phủ hiện nay làm thế nào để tạo ra sự tăng trưởng kinh tế ở cấp độ cao trong khi hàng loạt mối quan tâm về xã hội về quản trị đang nổi cộm. Tham nhũng là một mối quan tâm lớn của công chúng, tranh chấp đất đai xảy ra khắp nơi, đình công xảy ra thường xuyên hơn và môi trường bị huỷ hoại rõ rệt hơn. Những vấn đề này bị trầm trọng thêm bởi nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, thể hiện hệ thống lạc hậu và không phù hợp đang phải quản lý một nền kinh tế phức tạp và một xã hội hiện đại hơn để nhanh chóng kết nối với mạng lưới thông tin toàn cầu.

a. Vai trò của xã hội dân sự và truyền thông

Trong thập kỷ qua, chính phủ và nhà tài trợ đã có nhiều nỗ lực, tuy nhiên rất nhiều thách thức lớn vẫn còn tồn tại trong lĩnh vực đổi mới quản lý, đổi mới luật và chống tham nhũng. Những thách thức này mang tính dài hạn đòi hỏi nhiều sự thay đổi cơ bản trong thể chế và hoạt động thực tiễn, nỗ lực tổng thể để nâng cao quản lý nhà nước Việt Nam cần có sự tham gia của công chúng.

Chính phủ thấy khó khăn ở mọi nơi, nếu không nói là không thể được, để đổi mới chính mình, và những nỗ lực đổi mới đã cho thấy các tổ chức xã hội dân sự đóng một vai trò qua trọng trong việc giám sát chính phủ, duy trì áp lực thay đổi và đóng góp những giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề khó khăn. Trong khi Đảng cộng sản Việt Nam và chính phủ đã công nhận tầm quan trọng của xã hội dân sự, báo chí trên mặt trận chống tham nhũng chẳng hạn, có ít sự hỗ trợ chính thức từ xã hội dân sự hay báo chí để làm nhiệm vụ báo cáo và giám sát tham nhũng. Trong khi nhà tài trợ thường nhấn mạnh tầm quan trọng của xã hội dân sự ở Việt Nam, nhà tài trợ cũng chưa thực sự hỗ trợ một cách bền vững và cụ thể cho khối xã hội dân sự ở Việt Nam nhằm xây dựng năng lực cho họ trong việc tham gia các hoạt động của chính phủ.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cần hỗ trợ nhiều hơn nữa cho khối Xã hội dân sự và báo chí nhằm gắn kết họ vào công cuộc chống tham nhũng, thông qua hỗ trợ xây dựng một môi trường chính thức trong việc báo cáo và giám sát tham nhũng.

b. Khiếu nại hành chính và tranh chấp đất đai

Công cuộc cải cách hành chính gần đây ở Việt Nam tạo nhiều không gian hơn cho quyền kinh tế công dân, đặc biệt là quyền khiếu nại và khiếu kiện hành chính. Chính phủ đã nỗ lực rất nhiều để tạo ra khung pháp lý cho việc sửa chữa những khiếu nại kinh tế và cải thiện quy trình thủ tục khiếu kiện của công dân. Một loạt các điều khoản nhằm quy trình hoá các thủ tục và các loại luật liên quan gồm các điều khoản về giải quyết khiếu nại đã được ban hành. Tuy nhiên, mặc dù đã có những nỗ lực pháp lý, trong số các khiếu nại hành chính có đến 70% là khiếu nại liên quan đến đất đai, điều này đã trở thành thường xuyên, có quy mô lớn hơn và tính phức tạp tăng lên. Ở bước phát triển tiếp theo, Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ công nghiệp hoá và đô thị hoá, sẽ cần có nhiều cơ chế hiệu quả hơn để giải quyết khiếu nại công dân, đặc biệt liên quan đến các vụ khiếu kiện về đất đai cũng cần phải thực hiện duy trì ổn định kinh tế xã hội.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Cần có cơ chế hiệu quả hơn và đáp ứng nhu cầu tốt hơn để giải quyết khiếu nại của công dân, đặc biệt trong các vụ khiếu nại liên quan đến đất đai, cần thiết để duy trì sự ổn định về kinh tế và xã hội.

c. Nghiên cứu phân tích chính sách

Việc xây dựng và thực hiện luật vẫn tiếp tục là vấn đề của Việt Nam trong năm qua, với nhiều quy định được ban hành chỉ đáp ứng được quan tâm của các nhà nghiên cứu chuyên gia, mặc dù các cơ quan chính phủ nhận thấy họ đã đi theo quy trình yêu cầu. Khi xã hội phát triển ngày càng phức tạp, hoạt động kinh tế tiếp tục tiến tới toàn cầu hoá đòi hỏi có sự cập nhật đáp ứng nhu cầu một cách nhanh chóng, quy trình làm luật từ trên xuống và thiên cận cần phải thay đổi.

d. Đình công

mặc dù chính phủ đã thi hành luật bảo vệ công nhân và cho phép công đoàn lao động có quyền tự chủ lớn hơn trong những năm gần đây, các biện pháp không đúng mức trong giải quyết lợi ích của công nhân trong điều kiện môi trường ngày càng phức tạp của một nền kinh tế cạnh tranh và ngày càng có nhu cầu lớn. Chỉ tập trung vào luật lao động thì chưa đủ. Luật tranh chấp lao động ở Việt Nam đang ngày càng có xu hướng tăng về xung đột lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động; sự phức tạp ngày càng tăng trong cơ cấu lực lượng lao động cũng tăng thêm phần phức tạp; và công nhân đang trở nên khôn khéo hơn trong cách thể hiện sự không hài lòng của mình. Ví dụ, việc ngừng làm việc đồng loạt của lực lượng lao động đang trở nên phổ biến hơn là các cuộc đình công vì hầu hết các cuộc đình công được chính quyền coi là vi phạm pháp luật. Hơn nữa, khi đất nước tiếp tục công cuộc hiện đại hoá, sẽ có sự dịch chuyển lớn trong cơ cấu lao động, với số lượng lớn lao động nông thôn di cư ra thành phố lớn làm công nhân nhà máy. Những công nhân di cư này không quen với công việc ở nhà máy, không hiểu quyền của mình trong Lao động và không thể tiếp cận với những dịch vụ hỗ trợ. Sự tăng đột biến số lượng các cuộc đình công trong mấy năm qua là một dấu hiệu rõ rệt của tính không thoả đáng trong phản ứng đối với những quan tâm của công nhân.

THÔNG điệp CHÍNH: Nên chú trọng hơn nữa tới việc đảm bảo cho công nhân, đặc biệt là thành phần công nhân di cư hiểu được quyền của họ trong luật lao động và họ có thể tiếp cận được những dịch vụ hỗ trợ hiện có.

e. Lao động di cư

Những thay đổi đáng kể trong kinh tế vùng nông thôn là kết quả tình trạng không có ruộng đất ngày càng gia tăng và tỉ lệ thất nghiệp cao hơn đã làm cho tình trạng di cư tới các trung tâm đô thị và ra nước ngoài để có cơ hội nghề nghiệp ngày càng cao. Tuy nhiên, hầu hết họ đều là những người không có kĩ năng và không được chuẩn bị cho công việc trong các nhà máy cũng như cuộc sống ở thành phố – một tình trạng ảnh hưởng tiêu cực tới phụ nữ nhiều hơn. Ngoài ra, theo các chính sách hiện có của Việt Nam, những người di cư không được tiếp cận với các dịch vụ của chính phủ nơi họ di cư tới ví dụ đăng ký học cho con hay các dịch vụ y tế. Nếu không được nhìn nhận và xác định, những thách thức này sẽ gây ra sự phát triển xã hội không lành mạnh, làm gia tăng khoảng cách giữa người nghèo và người giàu, khiến cho Việt Nam có ít tính cạnh tranh hơn. Chính vì thế, cần phải chú ý hỗ trợ người di cư nhiều hơn, đưa họ vào trong các phân nghiên cứu, xem xét tình trạng nghèo đói, cho phép họ tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ như tín dụng, đầu tư cơ sở hạ tầng nơi những người di cư ở, thực hiện các biện pháp bảo vệ công nhân di cư, tổ chức các hoạt động truyền thông giúp họ hoà nhập tốt hơn với cuộc sống đô thị.

THÔNG điệp CHÍNH: Nên chú trọng hơn việc hỗ trợ những người di cư - đảm bảo rằng họ có thể tiếp cận được các dịch vụ của chính phủ như các dịch vụ về y tế, giáo dục cho con em của họ, nhằm tăng cường sự hợp nhất xã hội theo hướng tích cực trong suốt quá trình đô thị hóa.

4. Biến đổi khí hậu

Để bảo vệ nhân quyền và tiếp tục những bước tiến toàn cầu trong việc chấm dứt đói nghèo, cộng đồng quốc tế-bao gồm Việt Nam- phải thành lập một cơ cấu khí hậu sau năm 2012 để giảm thiểu nguy cơ về khí hậu mà người nghèo trên toàn thế giới phải đối mặt. Điều này có nghĩa là cơ cấu hạn chế việc toàn cầu nóng lên dưới 2°C trên mức tiền công nghiệp, yêu cầu việc phát xạ toàn cầu đạt mức đỉnh điểm vào năm 2015 và tới năm 2050 giảm 80% so với mức độ năm 1990.

Những nỗ lực toàn cầu để đối phó với biến đổi khí hậu cần phải được các quốc gia chia sẻ dựa trên trách nhiệm lịch sử của họ với cuộc khủng hoảng cũng như khả năng đối đầu với cuộc khủng hoảng đó của họ. Cơ chế sau năm 2012 công bằng sẽ là một cơ chế trong đó các nước giàu, công nghiệp hoá chịu trách nhiệm lớn hơn trong trách nhiệm của toàn cầu. Điều này cũng có nghĩa là việc giảm các chất phát thải trong các nước hỗ trợ ít nhất phải dưới mức độ những năm 1990 từ 25 đến 40 % tính đến năm 2020, và họ cũng phải thực thi những điều khoản về hỗ trợ tài chính và công nghệ đáng kể cho các nước đang phát triển, bao gồm Việt Nam.

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sự phát triển vì người nghèo, sự phát triển đô thị và vùng nông thôn nghèo, sự đa sinh kế và tiếp cận với các nguồn lực sản xuất. Những ảnh hưởng như vậy đe dọa kế sinh nhai và những nỗ lực xoá nghèo ở hầu hết những vùng dễ bị tổn thương. Nỗ lực nhằm thích nghi với biến đổi khí hậu và di cư là yêu cầu cấp thiết nhất

a. Giáo dục và truyền thông về biến đổi khí hậu

Giáo dục là yếu tố chủ chốt để xây dựng nhận thức ở tất cả các cấp độ về nguyên nhân và hậu quả của biến đổi khí hậu. Vấn đề về biến đổi khí hậu nên đưa vào chương trình giáo dục tại các trường phổ thông. Giáo dục về biến đổi khí hậu không chỉ nhằm xây dựng và phát triển các kiến thức dựa trên văn hóa, khoa học, mà còn giúp con người hành động có kết quả trong việc thay đổi hành vi một cách bền vững, đáng kể. Việc giáo dục về biến đổi khí hậu cần được thực hiện thông qua phương cách tiếp cận lồng ghép, sử dụng hai phương pháp giáo dục chính thức và phi chính thức.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Giáo dục về biến đổi khí hậu cần được thực hiện thông qua cách tiếp cận lồng ghép cả hai phương pháp giáo dục chính thức và giáo dục phi chính thức nhằm xây dựng các kiến thức dựa trên cơ sở khoa học, giúp người Việt Nam hành động có kết quả đáng kể và bền vững trong việc thay đổi hành vi.

b. Thích nghi với biến đổi khí hậu

Sự hỗ trợ hoạt động thích nghi với biến đổi khí hậu ở các nước đang phát triển như Việt Nam cần phải được mở rộng phạm vi để xác định những ảnh hưởng đang đe dọa tới cuộc sống mà hiện tại cộng đồng dễ bị tổn thương đang phải đối mặt cũng như những hiểm họa càng ngày càng lớn và không thể tránh được về môi trường trong tương lai. Phạm vi nguồn lực được yêu cầu trên toàn thế giới là ít nhất \$50 tỉ hàng năm và nghĩa vụ cung cấp những nguồn lực này phần lớn thuộc về các nước giàu công nghiệp hoá. Những nguồn lực này phải được cung cấp theo những cam kết ODA, được xem là những khoản trợ cấp hơn là các khoản vay. Cộng đồng khắp Việt Nam đang phải thích ứng với những biến đổi khí hậu và ngày càng có nhu cầu cao hơn và đối với nguồn tài chính thích hợp cho việc thích nghi tại các cộng đồng.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Việc hỗ trợ các hoạt động thích nghi với biến đổi khí hậu ở các nước đang phát triển như Việt Nam cần phải được mở rộng phạm vi để xác định những ảnh hưởng đang đe dọa tới cuộc sống mà hiện tại những cộng đồng dễ bị tổn thương đang phải đối mặt cũng như những hiểm họa ngày càng lớn và không thể tránh được về môi trường trong tương lai.

c. Tiếp cận những người dễ bị tổn thương nhất

Quỹ cho việc thích nghi cần phải tiếp cận những nhóm dễ bị ảnh hưởng nhất và đưa ra các cơ hội cần thiết cho các nhóm này để họ thích nghi với biến đổi khí hậu. Những nhóm này cần được xác định một cách hệ thống và tính dễ bị ảnh hưởng của họ cần phải được đánh giá. Những đại diện của họ phải đảm bảo tham gia ở các quy trình liên quan ở cấp địa phương và trung ương, bao gồm cả người nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số ở các vùng đồng bằng, ven biển và vùng núi.

Những mô hình khí hậu cấp độ địa phương được đề xuất cần được ưu tiên ở những khu vực dễ bị ảnh hưởng nhất trong các vùng sinh thái dễ bị ảnh hưởng. Quy trình và hành động thích nghi cần phải được đưa vào đầy đủ trong các kế hoạch và chương trình hiện tại bao gồm kế hoạch phát triển về kinh tế xã hội, kế hoạch bảo vệ môi trường. Một phương thức tiếp cận rõ ràng minh bạch với sự liên quan của nhiều bên liên quan cũng là điều cốt yếu đảm bảo tính hiệp trợ và tránh việc tạo ra nhiều động lực sai lầm hoặc sự chông chéo trong nỗ lực hành động.

Việc thích nghi ở cộng đồng cần phải là một phần của các hoạt động thích nghi. Việc đưa các quỹ qua UNFCCC và buộc những người nhận quỹ phải có trách nhiệm với UNFCCC có thể giúp cho việc thực hiện các nguyên tắc, quy trình đã được thảo luận trong hiệp định về biến đổi khí hậu toàn cầu

Xây dựng năng lực/nâng cao nhận thức là việc cần thiết với các quan chức địa phương và các cộng đồng trong vùng dễ bị ảnh hưởng để đảm bảo việc tham gia của họ thực sự có ý nghĩa, điều này rất quan trọng để có được thành công và sự bền vững.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Quy trình và hành động thích nghi với biến đổi khí hậu cần phải được đưa vào đầy đủ trong các kế hoạch và chương trình hiện tại bao gồm kế hoạch phát triển về kinh tế xã hội, kế hoạch bảo vệ môi trường.

d. Thích nghi những thay đổi dài hạn

Việt Nam là một nước chịu ảnh hưởng bởi những đe dọa về an toàn thực phẩm của người nghèo do chịu ảnh hưởng của việc nhiệt độ tăng lên, lũ, lụt, hạn hán và sự kéo dài những mùa vụ thiên tai không thể dự đoán được trước cả những tác động của mực nước biển dâng. Những hành động thích nghi gồm hỗ trợ việc thay đổi dài hạn tới cơ hội và phát triển nông nghiệp dựa trên những dự đoán đã biết trước là thực sự cần thiết. Nông nghiệp bền vững và quản lý rừng/canh tác kết hợp gồm nông nghiệp hữu cơ là những lựa chọn có thể giúp đa dạng hoá nghề nghiệp, làm giảm rủi ro và kiểm soát mức độ sỏi mòn và thoái hoá của đất đai, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đồng thời phát triển kinh tế.

e. Thích nghi với rủi ro thiên tai gia tăng

Việc mở rộng phạm vi hỗ trợ Giảm thiểu rủi ro thiên tai (DRR) và các hoạt động quản lý giúp cộng đồng ít bị ảnh hưởng hơn tần suất, phạm vi, cường độ các rủi ro thiên tai do thay đổi khí hậu mang lại là rất cần thiết. Những bài học thực tiễn thích nghi với ảnh hưởng thiên tai của biến đổi khí hậu có thể được rút ra từ những kinh nghiệm hiện tại về quản lý rủi ro thiên tai, bảo trợ xã hội, tài chính vi mô, bảo hiểm môi trường, khoa học khí hậu và các công cụ thích nghi.

Có thể thiết kế các đề án mang lại nhiều lợi ích, bảo vệ kế sinh nhai của người dân, tạo các cơ hội kinh tế mới, làm giảm rủi ro, làm nhẹ những ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu trong tương lai. Kế hoạch trồng 100,000 ha rừng được dọc bờ biển của 29 tỉnh từ nay đến năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là một sáng kiến tích cực bảo vệ đê kè khỏi những thiệt hại, bảo vệ đất đai và kế sinh nhai của cộng đồng duyên hải và giảm ảnh hưởng của mực nước biển dâng cao.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Việc mở rộng phạm vi hỗ trợ Giảm thiểu rủi ro thiên tai (DRR) và các hoạt động quản lý giúp cộng đồng ít bị ảnh hưởng hơn tần suất, phạm vi, cường độ các rủi ro thiên tai do thay đổi khí hậu mang lại là rất cần thiết.

f. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Việt Nam có cơ hội độc nhất để hạn chế khí thải trước khi chúng phân tán và cũng vẫn được hưởng lợi từ việc chuyển giao công nghệ và việc sử dụng một cách sáng tạo thị trường carbon. Hiện nay, với việc ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua việc điều chỉnh hợp lý trên con đường phát triển của mình, Việt Nam có thể:

- bảo vệ người dân khỏi những ảnh hưởng không thể tránh được;
- tránh sự lật ngược của phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo; và
- xây dựng nền kinh tế thế kỷ 21 phát triển dựa trên cơ sở công nghệ ít carbon và phát triển sạch, bền vững.

Theo Thông báo Quốc gia lần thứ nhất của Việt Nam về Biến đổi khí hậu cho Ban Thư ký công ước khung Liên hợp Quốc năm 1994, nông nghiệp Việt Nam đóng góp 50% tổng lượng chất thải GHG, ngành lâm nghiệp góp 18.6%. Nông nghiệp hữu cơ và các phương pháp thâm canh lúa bền vững (SRI) và sản xuất ga sinh học là những hệ thống có thể giải quyết những vấn đề này và duy trì an ninh lương thực và phát triển kinh tế. Nông nghiệp hữu cơ bền vững hay ga sinh học có thể đóng một vai trò quan trọng trong quản lý chất thải và tách carbon đất qua việc sử dụng nhiều hơn các chất còn lại của vụ mùa, phân, phân trộn và các chất hữu cơ khác. Điều này sẽ không chỉ làm giảm các chất khí thải mà còn tăng sự màu mỡ và năng suất cho đất (đặc biệt là ở những vùng nhiều mưa hoặc khó trồng trọt), cải thiện khả năng giữ nước và mở rộng hoạt động của quần thể đất.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Cần chú ý tới các hệ thống sản xuất nông nghiệp (như nông nghiệp hữu cơ, thâm canh lúa và gas sinh học) giảm sử dụng những nguyên liệu đầu vào bằng hóa chất, giảm các chất thải và sử dụng các nguyên liệu đầu vào khác một cách hiệu quả hơn, như nước.

g. Tài chính carbon

Tiếp cận nguồn tài chính carbon giúp tăng động lực cho nỗ lực giảm nhẹ nhưng cũng có thể mang lại lợi ích cho các tổ chức cung cấp các dịch vụ về môi trường tham gia trong lĩnh vực trồng cây, bảo vệ nguồn tài nguyên rừng và sử dụng đất bền vững.

Các cơ chế cho tài chính carbon phải cung cấp *an toàn xã hội* để đảm bảo rằng, ví dụ hoạt động giảm phát thải do phá rừng và suy thoái rừng REDD không làm tăng thêm tỷ lệ nghèo đói, khiến những người dân nghèo ở nông thôn bị phân biệt đối xử hoặc bị loại ra khỏi tiến trình phát triển. Những sang kiến đó phải đảm bảo một chế độ *chia sẻ lợi ích công bằng* xuất phát từ CER, tự nguyện giảm thải (VERs) và REDD. An toàn xã hội và chia sẻ lợi ích công bằng là những điều kiện cần thiết, cho dù tài chính cho dự án giảm nhẹ có được tạo ra như thế nào và phân bổ thông qua cơ chế thị trường hay phi thị trường.

Quyền của các cộng đồng dễ bị tổn thương ở nông thôn, bao gồm cơ hội tiếp cận với nguồn đất sản xuất phù hợp và nguồn tài nguyên rừng cũng cần được xác định đầy đủ và được phản ánh trong chính sách an toàn xã hội theo bất kỳ một cơ chế tài chính nào trong tương lai dành cho REDD. Các nguồn tài trợ có được từ tài chính carbon vì thế phải được đầu tư cho những hoạt động hướng tới xoá đói giảm nghèo và cải thiện sinh kế, tương đương với đầu tư cho các hoạt động phục vụ lợi ích xã hội và môi trường.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Tài chính carbon phải được bổ sung kết hợp thông qua cơ chế an toàn xã hội và chia sẻ lợi ích công bằng để nghèo đói, sự phân biệt đối xử và loại trừ không tăng lên.

Các cơ chế thiết lập nhằm điều hòa và khuyến khích các dự án sử dụng công nghệ xả thải thấp, bù đắp và tích trữ carbon (hiệu quả năng lượng, năng lượng tái chế và các dự án sử dụng đất theo cơ chế phát triển sạch (CDM), thị trường carbon tình nguyện giảm thải VER và tiến tới REDD) phải tạo điều kiện và có thể tiếp cận được với những người thực hiện dự án tại địa phương và phải được theo dõi sát sao để có thể có được tín dụng carbon có uy tín.

Chính phủ cần nhanh chóng đưa ra một cách tính làm cơ sở để phê duyệt công nghệ nào có yếu tố CDM và thị trường carbon tự nguyện có thể áp dụng tại Việt Nam. Cách tính này phải được công bố cho tất cả những người phát triển dự án tiềm năng vì nó sẽ giảm thiểu chi phí giao dịch khi xây dựng tài liệu dự án đủ tiêu chuẩn và giúp nâng cao năng lực của Việt Nam trong việc tạo ra các tín chỉ carbon cho thị trường từ nhiều nguồn khác nhau. Hiện tại các cách tính hiện có chỉ dành cho các dự án thủy điện và vì thế hầu hết các dự án CDM được thực hiện tại Việt Nam sử dụng công nghệ thủy điện.

h. Những hoạt động ứng phó với Biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Các tổ chức PCP Quốc tế tại Việt Nam hoan nghênh việc xây dựng Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi khí hậu (NTP) và Kế hoạch quản lý Thiên tai nhằm Giảm thiểu tác động xấu của Biến đổi khí hậu (NDMP-CC). Các tổ chức PCP Quốc tế cũng đánh giá cao những cơ hội liên tiếp được tạo ra cho việc tham gia hoạch định chính sách với chính phủ và nhà tài trợ. Các tổ chức PCP Quốc tế đã sẵn sàng hỗ trợ việc thực hiện NTP, đưa những kinh nghiệm và năng lực của mình giúp các cơ quan chính quyền cấp trung ương và địa phương xây dựng và thử nghiệm các phương pháp thích nghi và giảm thiểu. Các tổ chức PCP Quốc tế đang làm việc với Đối tác Giảm nhẹ Thiên tai (NDMP) nhằm lồng ghép các hoạt động thích nghi với biến đổi khí hậu trong khuôn khổ dự án giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Thực hiện việc ứng phó với biến đổi khí hậu và có năng lực phù hợp là điều rất quan trọng cho tất cả các ngành các cấp nhằm đảm bảo tính phù hợp trong các nỗ lực ứng phó và thay đổi hành vi nhằm giải quyết những tác động xấu có thể xảy ra. Sự lãnh đạo chặt chẽ, hợp tác đa bên và đa ngành là yếu tố quan trọng trong việc giải quyết những tác động tiêu cực và những nguyên nhân của biến đổi khí hậu. Cần phải cân nhắc cẩn trọng về việc các nguồn lực đã được sử dụng thực tế như thế nào và phân bổ cho tăng trưởng kinh tế và phát triển, bảo vệ môi trường và quản lý rủi ro thiên tai như thế nào để đảm bảo một chiến lược ứng phó chủ động với biến đổi khí hậu ở cấp tỉnh và cấp dưới tỉnh, và việc này cũng cần được lồng ghép trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Cần có sự tham gia và cam kết của tất cả các bên liên quan – bao gồm các cơ quan chính phủ, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội dân sự, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ - trong việc hợp tác với nhà tài trợ, nhằm đáp ứng một cách hiệu quả các yêu cầu của sẵn sàng và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các cơ chế cũng rất quan trọng trong việc khuyến khích sáng tạo và nâng cao năng lực và đảm bảo sự điều phối.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH: Sự lãnh đạo chặt chẽ, hợp tác đa bên và đa ngành là yếu tố quan trọng trong việc giải quyết những tác động tiêu cực và những nguyên nhân của biến đổi khí hậu.